

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày 13-02-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Lạc

Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 225/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc G, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Ấp C, xã H, huyện V, tỉnh Long An. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Chí T, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Ấp C, xã H, huyện V, tỉnh Long An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc G trình bày:

Vào năm 2002, bà Trần Thị Ngọc G và ông Trần Chí T quen biết và chung sống với nhau như vợ chồng, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Long An ngày 03/5/2004. Vợ chồng sinh sống tại Ấp C, xã H, huyện V, tỉnh Long An.

Thời gian đầu, cuộc sống hạnh phúc và có 02 con chung tên Trần Công Trường H (N), sinh ngày 05/10/2003 và Trần Thị Ngọc H1, sinh ngày

26/10/2011. Sau đó, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, nguyên nhân do ông T thường nhậu nhẹt và đánh đập bà G dẫn đến cuộc sống không còn hạnh phúc. Đầu năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, bà G và con chung là cháu Ngọc H1 về nhà cha mẹ ruột của bà G ở ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp sinh sống.

Hai vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau, khả năng hàn gắn không còn nên bà G yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Về con chung, Trần Công Trường H đã trưởng thành, có vợ con và sống tự lập nên không yêu cầu giải quyết, đối với em Trần Thị Ngọc H1 hiện đã trở về sống cùng ông T nên bà G đề nghị giao cho ông T nuôi. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trần Chí T vắng mặt trong suốt quá trình tòa án thụ lý giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến.

Kết quả xác minh của Tòa án:

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, chủ yếu do bất đồng quan điểm, ông T hay nhậu nhẹt và đánh đập bà G. Về điều kiện nuôi con, ông T có nhà ở và đất ruộng sản xuất, đồng thời cũng có làm thuê nên đủ khả năng nuôi con chung là em Trần Thị Ngọc H1.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại các điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà G và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Long An vào ngày 03/5/2004 nên xác định là hôn nhân hợp pháp, đề nghị giải quyết theo Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ khi thụ lý giải quyết đơn ly hôn của bà G đến nay, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, tạo điều kiện cho bà G và ông T hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên bà G vẫn kiên quyết ly hôn, ông T vắng mặt không lý do, không thể hiện ý kiến. Ngoài ra à G và ông T đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên căn cứ Điều 19, 51, 56 xét thấy hôn nhân giữa bà G và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ vợ chồng không còn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Ngọc G.

Về con chung: Bà G giao con chung Trần Thị Ngọc H1 (nữ), sinh ngày 26/10/2011 cho ông T nuôi và không cấp dưỡng, riêng con chung Trần Công Trường H (nam), sinh năm 2003 đã trưởng thành, sống tự lập nên không yêu cầu giải quyết. Xét thấy con chung Trần Thị Ngọc H1 đã trên 07 tuổi, tại bản tự khai ngày 18/12/2024 em có nguyện vọng được sống với cha nên căn cứ Điều 81

Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị giao con chung cho ông T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, do ông T vắng mặt không thể hiện ý kiến, bà G1 xin không cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung: Bà G không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về nợ chung: Bà G trình bày không có nên đề nghị không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điều 28, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Ngọc G về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố Tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại Ấp C, Xã H, Huyện V, Tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà G và ông T xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Long An vào ngày 03/5/2004 nên là hôn nhân hợp pháp, bà G yêu cầu giải quyết ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà G2 bày cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông T chỉ hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông T nhiều lần uống rượu có hành vi hành hung, đánh đập bà, đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và bà G đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng cũng ly thân từ thời gian đó đến nay. Vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân nên khả năng hàn gắn không còn.

Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng sau khi thụ lý vụ án cũng đã tiến hành hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho các đương sự hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, bà G vẫn cương quyết ly hôn, phía bị đơn ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm, không đến Tòa án trình bày ý kiến, bỏ mặc kết quả giải quyết.

Nhận thấy mâu thuẫn giữa bà G và ông T đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, căn cứ quy định tại các điều 19, 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của bà G.

[3] Về con chung: Bà G và ông T có 02 con chung. Con lớn Trần Công Trường H, sinh năm 2003 đã trưởng thành và sống tự lập nên không xem xét. Đối với con chung Trần Thị Ngọc H1, sinh ngày 26/10/2011 chưa thành niên và hiện đang sống cùng ông T, nguyện vọng của em cũng muốn được sống với cha nếu cha mẹ ly hôn, bà G cũng đồng ý giao con chung cho ông T nuôi. Ông T không thể hiện ý kiến, không tranh chấp về con chung.

Xét thấy để đảm bảo cuộc sống ổn định và phù hợp nguyện vọng của con chung, việc tiếp tục giao con chung chưa thành niên Trần Thị Ngọc H1 cho ông T nuôi là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do ông T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, điều kiện cuộc sống của bà G chưa có công việc và thu nhập ổn định, bà G xin không cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà G không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung, tại thời điểm giải quyết ly hôn cũng không có ai tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà G phải chịu án phí Hôn Nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Ngọc G về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1.1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc G được ly hôn với ông Trần Chí T.

1.2. Về con chung:

Giao con chung tên Trần Thị Ngọc H1 (nữ), sinh ngày 26/10/2011 cho Trần Chí T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc (con chung đang sống cùng ông T).

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị Ngọc G đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0002152 ngày 13/11/2024 sang tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H. Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã HĐ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Yến Linh